

Bản án số: 10/2023/HS-ST

Ngày 21 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Chí Sung

Bà Lò Hải Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Lệ - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà:
Ông Đinh Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A G**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1988 tại tỉnh L; Nơi ĐKKHKT: Bản Giang M, xã Giang M, huyện Tam Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; Dân tộc: mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Giàng A Ch, đã chết, con bà Sùng Thị Ch, đã chết; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Vàng Thị M, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2004; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ tư; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2022 cho đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố L. *Có mặt.*

- Bị hại: Chị Lò Thị C, sinh năm 2001; Trú tại: Bản Én N, xã Mường T, huyện Than U, tỉnh L. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Người làm chứng:

1. Anh Vũ Tiến D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản S, xã Giang M, huyện Tam Đ, tỉnh L. *Có mặt.*

2. Anh Vũ Văn D1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xã B, huyện Lục N, tỉnh Bắc Gi. *Vắng mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A G: Ông Nguyễn Công Hưởng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hồi 10 giờ 30 phút, ngày 22/3/2018 Công an thành phố L nhận được đơn trình báo của chị Lò Thị C, sinh năm 2001; Trú tại: Bản Én N, xã Mường T, huyện Than U, tỉnh L về việc bị mất trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, được bảo vệ bên ngoài bằng ốp nhựa màu đỏ, viền vàng để trên mặt tủ đựng đồ của bệnh nhân tại phòng giao ban (buồng bệnh nhân) tầng 2, dãy nhà C, Bệnh viện đa khoa tỉnh L. Sau khi bị mất điện thoại bà đã nhờ anh Vũ Văn D1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xã B, huyện Lục N, tỉnh Bắc Gi khóa tài khoản iCloud và đến Công an thành phố L trình báo nội dung sự việc. Kết quả kiểm tra xác minh nguồn tin, cơ quan điều tra phát hiện định vị chiếc điện thoại trên đang được sử dụng tại khu vực xã Giang M, huyện Tam Đ, tỉnh L và người đang sử dụng chiếc điện thoại trên là Giàng A G. Kết quả đấu tranh, Giàng A G thừa nhận đã lấy trộm chiếc điện thoại trên tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L và tự giác giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra, Giàng A G khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 21/3/2018, Giàng A G đi xe khách từ nhà đến thành phố L vào một quán Internet ở khu vực gần Bệnh viện đa khoa tỉnh L để chơi điện tử. Khoảng 02 giờ sáng ngày 22/3/2018, G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã đi bộ từ quán Internet vào Bệnh viện đa khoa tỉnh L, đi lần tầng 2, dãy nhà C của Bệnh viện đột nhập phòng giao ban (*buồng bệnh nhân*) thì nhìn thấy 03 chiếc điện thoại di động đang để trên mặt tủ đựng đồ của bệnh nhân. G đã lén lút lấy 01 chiếc điện thoại ở đó rồi quay lại quán Internet chơi điện tử. Khoảng 06 giờ sáng, ngày 22/3/2018 G đi bộ ra Bến xe khách tỉnh L bắt xe về nhà. Trên đường đi, G kiểm tra chiếc điện thoại trộm cắp được là điện thoại cảm ứng màu trắng, được bảo vệ bên ngoài bằng ốp nhựa màu đỏ, viền vàng. G tháo sim trong điện thoại vứt bên đường rồi bắt xe khách về nhà. Đến địa phận xã Giang M, huyện Tam Đ, tỉnh L, Giàng A G xuống xe rồi đi vào quán tạp hóa của anh Vũ Tiến D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản S, xã Giang M, huyện Tam Đ, tỉnh L xin mật khẩu Wifi và dùng chiếc điện thoại trộm cắp được để truy cập Wifi. Tuy nhiên chiếc điện thoại bị khóa màn hình không sử dụng được nên G giấu chiếc điện thoại vào túi áo khoác rồi đi về nhà. Khoảng 15 giờ cùng ngày, G tiếp tục quay trở lại quán tạp hóa của anh D để mở điện thoại trên sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L phát hiện, thu giữ chiếc điện thoại trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐG ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L đã kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, (16GB), còn lại khoảng 60% giá trị sử dụng có giá trị 4.794.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá số: 24^A/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L kết luận: 01 (một) ốp điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bằng nhựa, màu đỏ có viền vàng, trên ốp có chữ SHENGO mua và sử dụng từ tháng 8/2017, tại thời điểm ngày 22/3/2018 là 20.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản bị trộm cắp ngày 22/3/2018 là 4.814.000 đồng.

Sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Giàng A G về tội: “Trộm cắp tài sản” để điều tra thì Giàng A G trốn khỏi địa phương. Ngày 13/10/2022 bị bắt theo lệnh truy nã.

Các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại Lò Thị C đã nhận lại tài sản không yêu cầu Giàng A G phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSTP ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Giàng A G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng A G phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A G từ 06 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo; Về vật chứng: đã trả lại cho bị hại nên không đề cập xử lý; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét, giải quyết; Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo có ý kiến như sau: Qua đánh giá lời khai của bị cáo Giàng A G phù hợp với các tình tiết của vụ án, bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hơn nữa bị cáo có hoàn cảnh G đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, bằng với thời gian đã tạm giữ, tạm Gm bị cáo để bị cáo trở về với G đình và xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Giàng A G thể hiện việc bị cáo nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là phạm tội. Bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người bào chữa cho bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo Giàng A G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản ghi nhận sự việc, lý lịch bị can, kết luận định giá tài sản và lời khai của bị hại, người làm chứng... được xem xét và tranh tụng công khai tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 22/3/2018 tại buồng bệnh nhân tầng 2, dãy nhà C Bệnh viện đa khoa tỉnh L, Giàng A G lợi dụng sơ hở chủ sở hữu tài sản đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng và 01 ốp nhựa màu đỏ, viền vàng của chị Lò Thị C. Tổng cộng tài sản bị trộm cắp là 4.814.000 đồng

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo có bố để được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bị cáo nhất trí nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với quan điểm của người bào chữa về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, khi bị phát hiện tội phạm đã bỏ trốn khỏi địa bàn nhằm trốn tránh trách nhiệm nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định Số: 612/QĐ-UBND, ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc; căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn án án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Giàng A G** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng A G 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022.
3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an TP L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết